

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/DS-ST

Ngày: 19 - 8 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Châu Văn Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Phi Hùng
2. Ông Đỗ Minh Tân

*Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Ông Trần Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2020/TLST- DS ngày 07 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Mỹ N, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số nhà 240, ấp Tân Ph, xã Tân Phú Tr, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông Lê Thanh Nh, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Tân Ph, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Quang L, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số 258, tổ 11, ấp Tân Ph, xã Tân Phú Tr, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà N, ông L có mặt, ông Nh có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ N trình bày:**

Vào ngày 27/7/2016 bà N có cho ông Lê Thanh Nh vay số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) để làm ăn, thời gian vay 03 tháng trả. Còn về lãi suất thì thỏa thuận miệng là 5%/tháng. Nhưng do Bà N không biết ông Nh là ai nên kêu ông Nguyễn Quang L viết biên nhận nợ ngày 27/7/2016. Thực tế ông L không có vay tiền của Bà N.

Do không thấy ông Nh trả tiếp nên vào ngày 28/02/2019 Bà N có nộp đơn ra tổ hòa giải ấp Tân Ph, xã Tân Phú Tr yêu cầu giải quyết.

Vào ngày 15/4/2019, tại văn phòng ấp Tân Ph, có mặt bà Trương Thị Mỹ N, ông Lê Thanh Nh, ông Nguyễn Quang L và 3 bên thống nhất như sau: Ông Nh có trách nhiệm trả cho bà N số tiền vốn 15.000.000 đồng, hứa trả vào hai đợt trong vòng một năm, cụ thể vào ngày 15 tháng 10 năm 2019 ông Nh sẽ trả cho bà N 7.500.000 đồng và sáu tháng sau sẽ trả dứt điểm 7.500.000 đồng còn lại.

Tuy nhiên cho đến nay bà N chỉ nhận được 2.000.000 đồng vốn gốc mà ông Nh gửi về bưu điện xã Tân Phú Tr, số tiền còn lại thì ông Nh không trả.

Về tiền lãi từ ngày 27/7/2016 đến 27/8/2018 thì ông Nh có trả cho bà N mỗi tháng là 750.000 đồng. Tổng cộng số lãi mà bà N đã nhận của ông Nh là 18.750.000 đồng.

Nay bà Trương Thị Mỹ N xác định người vay tiền là ông Lê Thanh Nh và chỉ yêu cầu ông Nh trả cho bà N số tiền còn nợ là 13.000.000 đồng. Đồng thời yêu cầu ông Nh trả tiền lãi cho bà theo lãi suất quy định Nhà nước của số tiền 15.000.000 đồng từ ngày 27/7/2016 đến ngày 14/10/2019 và số tiền 13.000.000 đồng từ ngày 15/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đối với phần yêu cầu điều chỉnh lãi suất của ông Lê Thanh Nh thì Bà N đồng ý căn trừ số tiền lãi mà bà đã nhận của ông Nh là 18.750.000 đồng vào số tiền vốn gốc 13.000.000 đồng.

Bà N không yêu cầu ông Nguyễn Quang L trả số tiền trên.

**- Bị đơn ông Lê Thanh Nh vắng mặt nhưng theo biên bản hòa giải và phiên tòa trước đây, ông Nh trình bày:**

Ông Lê Thanh Nh thừa nhận vào ngày 27/4/2016, ông Nguyễn Quang L có dẫn ông Nh đến nhà bà Trương Thị Mỹ N để vay Bà N 8.000.000 đồng, trong vòng 03 tháng sẽ trả vốn cho Bà N, lãi 5%/tháng, Bà N là người giao trực tiếp 8.000.000 đồng cho ông Nh, còn ông L là người chứng kiến. Đến ngày 27/7/2016 ông Nh đến nhà Bà N để vay tiếp 7.000.000 đồng để làm vốn nuôi bò, lãi 5%/tháng và không giao kết về thời hạn trả cho Bà N, tổng

cộng ông Nh vay của Bà N là 15.000.000 đồng. Người viết biên nhận là ông Nguyễn Quang L.

Từ khi vay ngày 27/4/2016 đến 27/10/2018 ông Nh có trả lãi cho Bà N là 21.450.000 đồng nhưng không có giấy tờ.

Vào ngày 15/4/2019, tại ban hòa giải ấp Tân Ph ông Nh thừa nhận là số tiền 15.000.000 đồng mà ông L viết biên nhận nợ ngày 27/7/2016 thực tế là do ông Nh vay, ông Nh hứa trả cho Bà N số tiền 15.000.000 đồng trong vòng 12 tháng, chia làm hai đợt cụ thể là vào ngày 15 tháng 10 năm 2019 ông Nh sẽ trả cho Bà N 7.500.000 đồng và sáu tháng sau sẽ trả dứt điểm 7.500.000 đồng còn lại.

Sau đó vào ngày 15/10/2019 ông Nh có gửi qua đường bưu điện cho Bà N trả số tiền vốn 2.000.000 đồng.

Nay bà Trương Thị Mỹ N yêu cầu ông Nh trả số tiền vốn 13.000.000 đồng thì ông Nh đồng ý.

Ông Lê Thanh Nh yêu cầu Tòa án điều chỉnh lãi và căn trừ số tiền lãi đã đóng 21.450.000 đồng vào số tiền vốn 13.000.000 đồng.

Ông Nh cũng không có yêu cầu gì đối với ông Nguyễn Quang L.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang L trình bày:**

Vào ngày 27/4/2016, ông L có dẫn ông Lê Thanh Nh đến nhà bà Trương Thị Mỹ N giới thiệu ông Nh vay bà N 8.000.000 đồng, trong vòng 03 tháng sẽ trả nhưng đến ngày 27/7/2016 ông Nh vay thêm bà N 7.000.000 đồng để làm vốn nuôi bò, thỏa thuận miệng lãi 5%/tháng, tuy nhiên ông L là người viết biên nhận nợ cho bà N số tiền 15.000.000 đồng.

Từ ngày 27/4/2016 đến ngày 27/10/2018 ông Nh đã đóng lãi cho bà N số tiền tổng cộng là 21.450.000 đồng nhưng không có giấy tờ.

Khi hòa giải ở ấp Tân Ph tại đây ông Nh thừa nhận còn nợ bà N số tiền 15.000.000 đồng. Bà N yêu cầu ông Nh trả cho bà N số tiền 15.000.000 đồng trong vòng 12 tháng, chia làm hai đợt cụ thể là vào ngày 15 tháng 10 năm 2019 ông Nh sẽ trả cho bà N 7.500.000 đồng và sáu tháng sau sẽ trả dứt điểm 7.500.000 đồng còn lại. Hai bên thống nhất và ký tên vào cam kết biên bản hòa giải.

Sau đó vào ngày 15/10/2019 thực hiện theo biên bản hòa giải của ấp nên ông Nh có gửi qua đường bưu điện trả cho bà N số tiền 2.000.000 đồng.

Nay bà Trương Thị Mỹ N chỉ yêu cầu ông Lê Thanh Nh trả cho bà N số

tiền còn nợ là 13.000.000 đồng, thì ông L không có ý kiến gì và ông cũng không yêu cầu gì trong vụ án này.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về tuân thủ pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án (có bài phát biểu kèm theo:***

- Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Mỹ N, buộc ông Lê Thanh Nh trả tiền vốn 13.000.000 đồng cho Bà N.

Chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà Trương Thị Mỹ N của số tiền vốn vay, từ ngày cho vay đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất quy định Nhà nước.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Thanh Nh, cản trừ số tiền lãi 18.750.000 đồng mà ông Nh đã đóng vượt so quy định Nhà nước trừ vào số tiền vốn gốc.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ N yêu cầu ông Lê Thanh Nh trả khoản nợ vay, do đó Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ dân sự, tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lê Thanh Nh có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ N yêu cầu ông Lê Thanh Nh trả số tiền vốn vay 13.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Theo biên nhận ngày 27/7/2016 có nội dung như sau: *Hôm nay vào lúc 11 giờ 45 phút ngày 27/7/2016, Tôi Nguyễn Quang L có mượn cô Mỹ Nương 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) người mượn tiền Nguyễn Quang L.*

Ông L thừa nhận mình có viết biên nhận ngày 27/7/2016 nhưng thực tế người vay tiền là ông Lê Thanh Nh, ông L chỉ là người giới thiệu, do Bà N

không biết ông Nh ở đâu nên mới kêu ông L viết biên nhận nợ này. Việc này đã được Bà N, ông Nh đều thừa nhận.

Đồng thời cũng theo lời trình bày thống nhất của các bên đương sự, trong quá trình cho vay, bà N xác định người trực tiếp trả lãi hàng tháng và trả số tiền vốn gốc 2.000.000 đồng cho Bà N là ông Lê Thanh Nh.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định biên nhận ngày 27/7/2016 do ông L viết dùm cho ông Nh và người vay tiền của Bà N là ông Lê Thanh Nh, không liên quan gì đến ông L.

Nay bà Trương Thị Mỹ N yêu cầu ông Lê Thanh Nh trả số tiền vốn vay 13.000.000 đồng và ông Nh cũng đồng ý trả. Nên xét yêu cầu của bà Trương Thị Mỹ N là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi theo lãi suất quy định Nhà nước của bà Trương Thị Mỹ N và yêu cầu phản tố của ông Lê Thanh Nh về việc yêu cầu căn trừ số tiền lãi thực tế đã đóng cho Bà N vào số tiền vốn gốc, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Bà N thừa nhận từ ngày 27/7/2016 đến 27/8/2018 thì ông Nh có trả cho Bà N tiền lãi mỗi tháng là 750.000 đồng (tương ứng 5%/tháng). Tổng cộng số lãi mà Bà N đã nhận của ông Nh là 18.750.000 đồng. Còn ông Nh xác định hàng tháng ông đóng lãi cho Bà N với mức lãi suất 5%/tháng và thực tế ông đã đóng lãi là 21.450.000 đồng nhưng không có giấy tờ chứng minh nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận số tiền lãi mà Bà N đã nhận từ ông Nh là 18.750.000 đồng.

Vì các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng vượt quá so quy định Nhà nước nên cần điều chỉnh lại:

Theo điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:

Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng.

Tại thời điểm từ 27/7/2016 – 31/12/2016 áp dụng quyết định Số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm (tương ứng 1.125%/tháng).

Theo điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay (tương ứng 1.6%/tháng).

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

Đối chiếu quy định trên thì Bà N lấy lãi 5%/tháng đã vượt quá theo quy định Nhà nước nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

Cụ thể số tiền lãi mà ông L có trách nhiệm trả cho Bà N là:

Từ ngày 27/7/2016 – 31/12/2016 (154 ngày x 15.000.000 đồng x 1.125%) = 866.000đ.

Từ ngày 01/01/2017 – 14/10/2019 (1016 ngày x 15.000.000 đồng x 1.6%) = 8.128.000đ.

Từ ngày 15/10/2019 – 19/8/2020 (305 ngày x 13.000.000 đồng x 1.6%) = 2.114.000đ.

Số tiền lãi mà ông Nh phải đóng cho bà N từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 11.108.000đ nhưng thực tế bà N nhận lãi 18.750.000đ nên Nhàn đã đóng dư số tiền lãi là 7.642.000đ.

Vì ông Nh đã đóng dư số tiền lãi nên cần căn trừ vào số tiền vốn gốc mà ông Nh còn thiếu của bà N: 13.000.000đ – 7.642.000đ = 5.358.000đ. Như vậy ông Nh chỉ có trách nhiệm trả cho bà N số tiền vốn còn lại là 5.358.000đ.

Do đó, xét yêu cầu của ông Lê Thanh Nh điều chỉnh lại số tiền lãi thực tế đã đóng 21.450.000 đồng trừ vào số tiền vốn gốc là có cơ sở chấp nhận một phần.

[3] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Mỹ N với ông Lê Thanh Nh.

Buộc ông Lê Thanh Nh có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị Mỹ N số tiền vốn vay 13.000.000 đồng và tiền lãi 11.108.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 24.108.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Lê Thanh Nh về việc điều chỉnh lãi suất.

Cần trừ số tiền lãi mà ông Lê Thanh Nh đã đóng cho Bà N là 18.750.000 đồng vào số tiền 24.108.000 đồng. Như vậy ông Lê Thanh Nh chỉ còn phải trả cho bà Trương Thị Mỹ N số tiền còn lại là 5.358.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Ông Lê Thanh Nh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0002868 ngày 06/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Bà Trương Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 625.000 đồng theo các biên lai thu số 0007542 ngày 07/5/2020 và biên lai thu số 0002967 ngày 07/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà N còn nhận lại số tiền 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Châu Văn Bình**





